

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám Đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Yên Bái

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5200209230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Yên Bái cấp ngày 3 tháng 1 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 16 ngày 4 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn dược liệu, bán lẻ dược liệu, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, sản xuất các mặt hàng mỹ phẩm, chất tẩy rửa vệ sinh, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thử Triệu	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Bình	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên
Bà Hoàng Kiều Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Nguyễn Thùy Dung	Trưởng ban	
Trương Thị Thúy Nga	Thành viên	
Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên	từ nhiệm vào ngày 30 tháng 9 năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Bảo Long	Giám đốc
Bà Lê Thị Thu	Phó Giám đốc
Bà Hoàng Kiều Vân	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là

Ông Phạm Thử Triệu
Ông Đỗ Bảo Long

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Yên Bái

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Phẩm Yên Bái ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Đỗ Bảo Long
Giám đốc

Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12853741/E-66925239

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Yên Bái ("Công ty") được lập ngày ngày 29 tháng 3 năm 2024 và trình bày từ trang 5 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó tổng Giám Đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Phạm Kiều Phương Uyên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 6464-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		64.033.424.336	86.783.501.532
110	I. Tiền	4	2.922.991.439	2.683.361.757
111	1. Tiền		2.922.991.439	2.683.361.757
120	II. Đầu tư ngắn hạn	5	1.000.000.000	3.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		46.874.344.970	60.645.884.795
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	44.509.875.614	57.401.660.611
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.911.444.402	289.892.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	3.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		13.353.473	149.252.056
137	5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(560.328.519)	(694.919.872)
140	IV. Hàng tồn kho	9	13.134.463.416	19.382.262.085
141	1. Hàng tồn kho		13.134.463.416	19.382.262.085
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		101.624.511	1.071.992.895
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	101.624.511	167.192.877
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	-	904.800.018
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.405.958.839	59.990.256.204
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.000.000	100.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		33.084.983.265	31.582.530.762
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	32.432.029.547	31.056.414.086
222	Nguyên giá		72.941.622.848	69.177.622.848
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(40.509.593.301)	(38.121.208.762)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	218.287.038	-
225	Nguyên giá		227.777.778	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.490.740)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	434.666.680	526.116.676
228	Nguyên giá		764.700.000	764.700.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(330.033.320)	(238.583.324)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.849.893.704	6.613.480.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	6.849.893.704	6.613.480.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	10.080.000.000	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.080.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.291.081.870	21.694.245.442
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	21.278.781.870	21.694.245.442
268	2. Tài sản dài hạn khác		12.300.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		135.439.383.175	146.773.757.736

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		53.080.112.692	68.225.470.149
310	I. Nợ ngắn hạn		46.487.646.893	59.473.146.650
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	10.499.391.013	16.657.847.764
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.000.000.000	1.000.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	65.119.928	56.227.018
314	4. Phải trả người lao động		3.099.019.788	1.986.371.700
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		161.246.119	122.142.139
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		26.262.624	26.262.624
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		7.760.000	7.760.000
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	30.424.748.565	38.439.516.509
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	1.204.098.856	1.177.018.896
330	II. Nợ dài hạn		6.592.465.799	8.752.323.499
337	1. Phải trả dài hạn khác		20.444.444	14.444.444
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	6.572.021.355	8.737.879.055
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.359.270.483	78.548.287.587
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	82.359.270.483	78.548.287.587
411	1. Vốn cổ phần		42.429.000.000	42.429.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		42.429.000.000	42.429.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.437.130.000	9.437.130.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(22.100.000)	(22.100.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		8.165.288.257	8.165.288.257
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.349.952.226	18.538.969.330
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế) đến cuối năm trước		18.538.969.330	(2.731.201.992)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.810.982.896	21.270.171.322
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		135.439.383.175	146.773.757.736

Nhữ Thu Quỳnh

Nhữ Thu Quỳnh
Người lập và Kế toán trưởng

Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Đỗ Bảo Long
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	84.590.223.371	73.906.785.523
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(313.729.400)	(31.097.143)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	84.276.493.971	73.875.688.380
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	23	(63.329.215.101)	(62.136.880.408)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.947.278.870	11.738.807.972
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	813.770.998	152.414.602
22	7. Chi phí tài chính		(4.939.686.097)	(2.679.662.626)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.939.686.097)	(2.679.662.626)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(1.253.888.185)	(2.548.193.346)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(11.182.546.222)	(8.833.580.191)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		4.384.929.364	(2.170.213.589)
31	11. Thu nhập khác	25	-	31.080.432.463
40	12. Lợi nhuận khác		-	31.080.432.463
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.384.929.364	28.910.218.874
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	(6.214.354.324)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.384.929.364	22.695.864.550

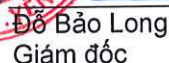


Nhữ Thu Quỳnh
Người lập và Kế toán trưởng

Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024




Đỗ Bảo Long
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.384.929.364	28.910.218.874
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình	11,12,13	2.489.325.275	2.271.015.960
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(134.591.353)	470.509.225
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(813.770.998)	(31.232.847.065)
06	Chi phí lãi vay		4.939.686.097	2.679.662.626
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.865.578.385	3.098.559.620
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		11.161.794.977	(31.199.418.988)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		6.247.798.669	(12.471.090.054)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.761.234.853)	13.367.716.131
12	Giảm chi phí trả trước		519.931.938	449.490.543
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.848.995.417)	(2.667.791.002)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(6.214.354.324)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	21	(192.166.508)	(72.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		21.992.707.191	(35.709.488.074)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(7.941.472.382)	(10.937.845.487)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		170.497.463	45.826.053.203
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(22.000.000.000)	(8.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		27.500.000.000	1.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.080.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		963.023.054	3.162.546
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(11.387.951.865)	28.391.370.262
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	59.754.167.894	62.627.244.571
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(70.115.065.413)	(54.721.917.923)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	19	(4.228.125)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(10.365.125.644)	7.905.326.648

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		239.629.682	587.208.836
60	Tiền đầu năm		2.683.361.757	2.096.152.921
70	Tiền cuối năm	4	2.922.991.439	2.683.361.757



Nhữ Thu Quỳnh
Người lập và Kế toán trưởng

Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



Đỗ Bảo Long
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5200209230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Yên Bái cấp ngày 3 tháng 1 năm 2003 và sửa đổi lần thứ 16 ngày 4 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn dược liệu, bán lẻ dược liệu, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, sản xuất các mặt hàng mỹ phẩm, chất tẩy rửa vệ sinh, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 91 (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 97 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Tiền thuê đất trả trước.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	141.944.553	454.911.379
Tiền gửi ngân hàng	2.781.046.886	2.228.450.378
TỔNG CỘNG	2.922.991.439	2.683.361.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc		Giá gốc	
	Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái có kỳ hạn gốc sáu tháng (6) tháng và hưởng lãi suất 4,7%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc		Giá gốc	
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	41.490.684.258	51.293.787.007		
Phải thu từ bên thứ ba	3.019.191.356	6.107.873.604		
Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Yên	484.979.000	484.979.000		
Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên	301.979.000	301.979.000		
Phải thu từ các bên khác	2.232.233.356	5.320.915.604		
TỔNG CỘNG	44.509.875.614	57.401.660.611		
Dự phòng phải thu khó đòi	(560.328.519)	(694.919.872)		
GIÁ TRỊ THUẦN	43.949.547.095	56.706.740.739		

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc		Giá gốc	
Số đầu năm	694.919.872	224.410.647		
Dự phòng trích lập trong năm	-	470.509.225		
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(134.591.353)	-		
Số cuối năm	560.328.519	694.919.872		

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc		Giá gốc	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật phòng sạch Thành Tâm	848.880.000	-		
Công ty TNHH Đại Lực	626.000.000	-		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Việt Thiên Hà Nội	582.896.000	-		
Công ty Cổ phần GMPC Việt Nam	-	200.000.000		
Trả trước người bán khác	853.668.402	89.892.000		
TỔNG CỘNG	2.911.444.402	289.892.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số cuối năm bao gồm khoản đóng góp vào Quỹ bảo lãnh tín dụng Yên Bái nhằm đảm bảo an toàn vốn cho Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.204.898.346	-	12.808.759.369	-
Hàng hóa	4.207.500.000	-	-	-
Thành phẩm dở dang	1.392.817.729	-	6.573.502.716	-
Thành phẩm	326.607.341	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	2.640.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	13.134.463.416	-	19.382.262.085	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn	101.624.511	167.192.877		
Công cụ, dụng cụ	40.619.315	122.488.833		
Chi phí bảo hiểm	31.005.196	34.308.212		
Chi phí bảo trì và sửa chữa	30.000.000	10.395.832		
Dài hạn	21.278.781.870	21.694.245.442		
Tiền thuê đất trả trước (*)	20.869.061.514	21.311.640.897		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	357.097.983	293.761.518		
Chi phí sửa chữa	52.622.373	88.843.027		
TỔNG CỘNG	21.380.406.381	21.861.438.319		

(*) Một phần giá trị tiền thuê đất trả trước với giá trị 16.830.323.619 VND được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Thương mại Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (Thuyết minh số 20).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	38.110.467.600	29.291.744.730	943.900.000	831.510.518	69.177.622.848
Mua trong năm	-	1.122.777.778	-	-	1.122.777.778
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	2.869.000.000	-	-	2.869.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(227.777.778)	-	-	(227.777.778)
Số cuối năm	38.110.467.600	33.055.744.730	943.900.000	831.510.518	72.941.622.848
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	873.732.049	16.575.993.316	943.900.000	159.692.336	18.553.317.701
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(11.025.803.355)	(25.471.411.577)	(943.900.000)	(680.093.830)	(38.121.208.762)
Khấu hao trong năm	(990.611.334)	(1.325.500.465)	-	(72.272.740)	(2.388.384.539)
Số cuối năm	(12.016.414.689)	(26.796.912.042)	(943.900.000)	(752.366.570)	(40.509.593.301)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	27.084.664.245	3.820.333.153	-	151.416.688	31.056.414.086
Số cuối năm	26.094.052.911	6.258.832.688	-	79.143.948	32.432.029.547
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp	24.260.035.765	4.324.761.810	-	-	28.584.797.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Thuê trong năm	227.777.778
Số cuối năm	227.777.778
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	(9.490.740)
Số cuối năm	(9.490.740)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	218.287.038

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	450.200.000	314.500.000	764.700.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	150.200.000	-	150.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(165.200.000)	(73.383.324)	(238.583.324)
Hao mòn trong năm	(60.000.000)	(31.449.996)	(91.449.996)
Số cuối năm	(225.200.000)	(104.833.320)	(330.033.320)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	285.000.000	241.116.676	526.116.676
Số cuối năm	225.000.000	209.666.680	434.666.680

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Máy móc đang chờ lắp đặt	6.849.893.704	6.613.480.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY KHÁC

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Ypharco Healthcare ("Ypharco Healthcare"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0108802961 ngày 28 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó được thay thế bằng GCNĐKDN số 0108802961 ngày 22 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hưng Yên cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Ypharco là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sở hữu 14% vốn cổ phần của Ypharco Healthcare.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả từ bên thứ ba	10.499.391.013	16.479.894.140
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	1.710.611.428	5.444.201.988
- Công ty TNHH Thiết bị New Diamond	1.699.933.200	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dược phẩm Thăng Long	1.470.012.699	2.349.930.104
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	503.051.360	1.209.154.000
- Công ty Cổ phần Dược liệu Indochina	-	143.792.630
- Phải trả các nhà cung cấp khác	5.115.782.326	7.332.815.418
Phải trả từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	177.953.624
TỔNG CỘNG	10.499.391.013	16.657.847.764

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vương Thị Thuý Dung	1.000.000.000	1.000.000.000

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp	56.227.018	4.692.222.029	(4.683.329.119)	65.119.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.189.721	-	-	3.189.721
Thuế giá trị gia tăng	-	4.485.726.599	(4.438.555.370)	47.171.229
Thuế thu nhập cá nhân	53.037.297	196.342.254	(234.620.573)	14.758.978
Khác	-	10.153.176	(10.153.176)	-
Phải thu	904.800.018	3.546.546.176	(4.451.346.194)	-
Thuế giá trị gia tăng	904.800.018	3.546.546.176	(4.451.346.194)	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
					VND
Vay ngắn hạn	38.439.516.509	59.285.713.094	(70.115.065.413)	2.814.584.375	30.424.748.565
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	36.118.275.592	59.285.713.094	(68.474.065.413)	-	26.929.923.273
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	2.321.240.917	-	(1.641.000.000)	2.765.000.000	3.445.240.917
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	-	-	-	49.584.375	49.584.375
Vay dài hạn	8.737.879.055	652.954.800	(4.228.124)	(2.814.584.375)	6.572.021.355
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	8.737.879.055	468.454.800	-	(2.765.000.000)	6.441.333.855
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 19.3)	-	184.500.000	(4.228.124)	(49.584.375)	130.687.500
TỔNG CỘNG	47.177.395.564	59.938.667.894	(70.119.293.537)	-	36.996.769.920

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng tài trợ cho vốn lưu động trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	25.091.985.751	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2024 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024	7,7 - 9,0	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 218/2013/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái; - Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 02/2014/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái; - Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	1.837.937.522	Ngày 25 tháng 2 năm 2024	9,0	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất ở số 1 Đường Đại Đồng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái - Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty.
TỔNG CỘNG	26.929.923.273			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng tài trợ vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Bảo đảm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	7.792.574.772	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2025 đến ngày 7 tháng 12 năm 2027	7,5 - 12,5	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất ở số 1 Đường Đại Đồng, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái. - Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	2.094.000.000	Từ ngày 9 tháng 6 năm 2027 đến ngày 9 tháng 6 năm 2028	10,0	- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 218/2013/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, - Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 02/2014/BĐĐC, Tổ dân phố số 3, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, - Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty.

TỔNG CỘNG

9.886.574.772

Trong đó:

Vay dài hạn

6.441.333.855

Vay dài hạn đến hạn
phải trả

3.445.240.917

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Các khoản thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế máy móc theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	
				Lãi thuế tài chính	
Từ 1 năm trở xuống	65.798.465	16.214.090	49.584.375	-	-
Từ 1-5 năm	150.355.970	19.668.470	130.687.500	-	-
TỔNG CỘNG	216.154.435	35.882.560	180.271.875	-	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Năm trước						
Số đầu năm	42.429.000.000	9.437.130.000	(22.100.000)	8.165.288.257	(2.731.201.992)	57.278.116.265
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	22.695.864.550	22.695.864.550
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.134.793.228)	(1.134.793.228)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(290.900.000)	(290.900.000)
Số cuối năm	42.429.000.000	9.437.130.000	(22.100.000)	8.165.288.257	18.538.969.330	78.548.287.587
Năm nay						
Số đầu năm	42.429.000.000	9.437.130.000	(22.100.000)	8.165.288.257	18.538.969.330	78.548.287.587
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.384.929.364	4.384.929.364
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(219.246.468)	(219.246.468)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(354.700.000)	(354.700.000)
Số cuối năm	42.429.000.000	9.437.130.000	(22.100.000)	8.165.288.257	22.349.952.226	82.359.270.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	39.205.700.000	92,40	39.205.700.000	92,40
Tổng Công ty Dược Việt Nam	2.432.200.000	5,73	2.432.200.000	5,73
Các cổ đông khác	791.100.000	1,86	791.100.000	1,86
TỔNG CỘNG	42.429.000.000	100,00	42.429.000.000	100,00

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Cổ phiếu đăng ký phát hành	4.242.900	4.242.900
Cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đủ	4.242.900	4.242.900
Cổ phiếu phổ thông	4.242.900	4.242.900
Cổ phiếu quỹ	(2.210)	(2.210)
Cổ phiếu phổ thông	(2.210)	(2.210)
Cổ phiếu đang lưu hành	4.240.690	4.240.690
Cổ phiếu phổ thông	4.240.690	4.240.690

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.177.018.896	114.825.668
Trích lập quỹ	219.246.468	1.134.793.228
Sử dụng quỹ	(192.166.508)	(72.600.000)
Số cuối năm	1.204.098.856	1.177.018.896

Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 188/2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 4 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2023 với tỷ lệ lần lượt là 3% và 2% lợi nhuận sau thuế. Theo đó, trong năm 2023, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 219.246.468 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. REVENUES

22.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	84.590.223.371	73.906.785.523
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	82.797.002.888	67.641.838.151
Doanh thu bán hàng hóa	1.268.458.064	5.799.113.586
Doanh thu cho thuê	524.762.419	465.833.786
Các khoản giảm trừ doanh thu	(313.729.400)	(31.097.143)
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	(313.729.400)	(27.937.143)
Chiết khấu thương mại	-	(3.160.000)
Doanh thu thuần	84.276.493.971	73.875.688.380
Trong đó:		
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	82.840.627.985	67.924.254.360
Doanh thu với bên khác	1.435.865.986	5.951.434.020

22.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	813.770.998	152.414.602

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	62.162.707.271	56.520.383.382
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.166.507.830	5.616.497.026
TỔNG CỘNG	63.329.215.101	62.136.880.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.253.888.185	2.548.193.346
Chi phí nhân viên	804.866.684	1.163.983.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.552.269	456.948.857
Chi phí khấu hao	36.274.149	168.818.147
Công cụ, dụng cụ	50.143.141	19.705.847
Chi phí vận chuyển	-	274.000.000
Khác	206.051.942	464.736.861
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.182.546.222	8.833.580.191
Chi phí nhân viên	4.849.518.353	4.326.384.271
Chi phí nghiên cứu	2.113.626.006	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.523.796.452	1.754.672.477
Công cụ, dụng cụ	973.605.242	1.061.571.448
Chi phí khấu hao và hao mòn	653.081.114	672.018.587
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(134.591.353)	470.509.224
Khác	1.203.510.408	548.424.184
TỔNG CỘNG	12.436.434.407	11.381.773.537

25. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản	-	31.080.432.463

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.436.600.224	43.900.323.822
Chi phí nhân viên	15.899.277.380	13.995.555.868
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12, 13)	2.489.325.275	2.271.015.960
Chi phí nghiên cứu	2.113.626.006	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.855.468.909	4.219.211.414
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.166.507.830	5.616.497.026
Khác	4.950.766.238	3.516.049.855
TỔNG CỘNG	70.911.571.862	73.518.653.945

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	6.214.354.324

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.384.929.364	28.910.218.874
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	876.985.873	5.782.043.775
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	164.802.605	347.766.581
Thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận của lỗ tính thuế	-	84.543.972
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.041.788.478)	-
Chi phí thuế TNDN	-	6.214.354.328

27.2 Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Lỗ thuế

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.873.237.647 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7.082.180.039 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗ	VND Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023
2020	2025	1.380.587.822 (*)	(1.380.587.822)	-	-
2021	2026	5.278.872.358 (*)	(3.828.354.570)	-	1.450.517.788
2022	2027	422.719.859 (*)	-	-	422.719.859
TỔNG CỘNG		7.082.180.039	(5.208.942.392)	-	1.873.237.647

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá 1.873.237.647 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND					
Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2023
2022	2027	(i) 1.738.832.905	-	-	1.738.832.905
2023	2028	(i) 824.013.028	-	-	824.013.028
TỔNG CỘNG		2.562.845.933		-	2.562.845.933

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 2.562.845.933 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT
Bà Hoàng Thị Bình	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT
Bà Hoàng Kiều Vân	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Bảo Long	Giám đốc
Bà Lê Thị Thu	Phó Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bepharco Healthcare	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Công ty liên kết
	(từ ngày 25 tháng 4 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Bán hàng hóa	82.840.627.985	67.924.254.360
	Mua hàng hóa	5.382.619.365	9.710.697.662
	Thu hồi cho vay	6.500.000.000	1.500.000.000
	Lãi cho vay	171.419.177	-
	Cho vay	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Yphacor Healthcare	Cho vay	15.000.000.000	-
	Thu hồi cho vay	15.000.000.000	-
	Lãi cho vay	405.369.859	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

VND			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Bán thành phẩm	<u>41.490.684.258</u>	<u>51.293.787.007</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cho vay	<u>-</u>	<u>3.500.000.000</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Lãi cho vay	<u>-</u>	<u>125.358.905</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	<u>-</u>	<u>177.953.624</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Thư ký HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

Tên cá nhân	Chức vụ	VND	
		Lương và thù lao Năm nay	Năm ngoái
Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT	120.500.000	100.000.000
Hoàng Thị Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	559.800.000	538.275.000
Hoàng Xuân An	Thành viên HĐQT	60.500.000	52.000.000
Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT	60.500.000	52.000.000
Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT	60.500.000	52.000.000
Nguyễn Thùy Dung	Trưởng Ban kiểm soát	24.500.000	16.000.000
Trương Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	12.500.000	8.000.000
Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên Ban kiểm soát		
(đến ngày 30 tháng 9 năm 2023)		-	132.445.000
Phạm Thị Phương Thảo	Thư ký	136.292.400	126.317.400
Đỗ Bảo Long	Giám đốc	482.942.000	386.851.700
Hoàng Kiều Vân	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	410.188.500	387.093.800
Lê Thị Thu	Phó Giám đốc	344.051.000	331.725.000
TỔNG CỘNG		2.272.273.900	2.182.707.900

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nhữ Thu Quỳnh
Người lập và Kế toán trưởng

Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

